

Số: /BC-CTK

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 4 NĂM 2020
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

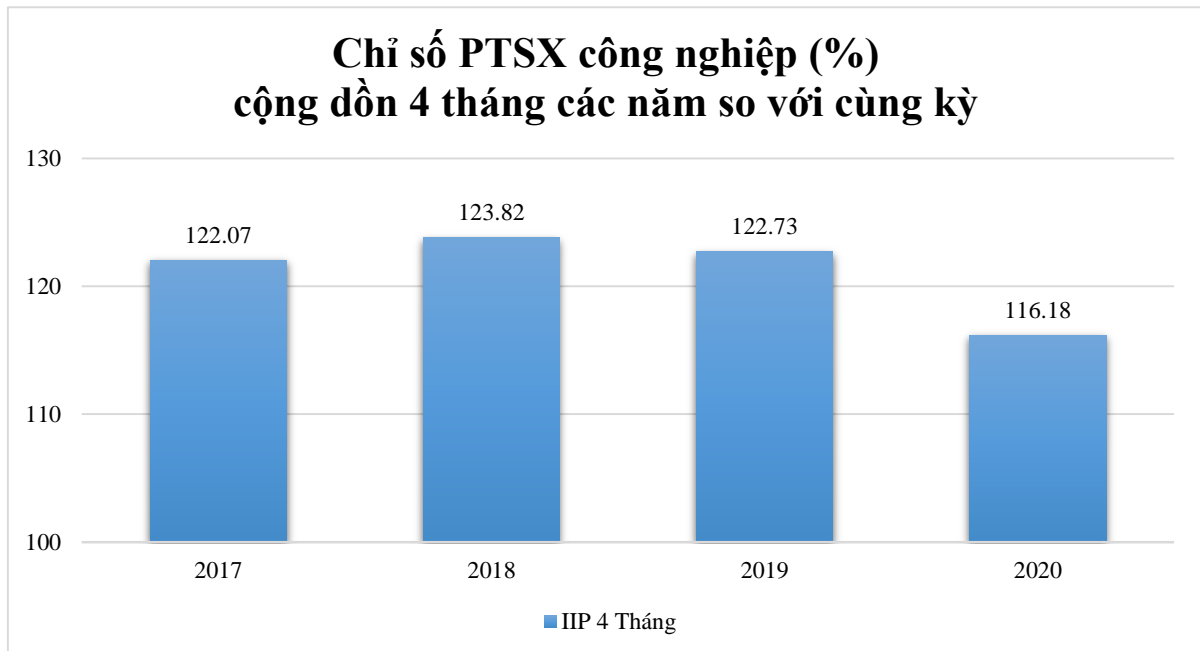
I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số phát triển sản xuất (PTSX) công nghiệp (IIP) tháng 4/2020 ước giảm 14,91% so với tháng trước và giảm 0,96% so với cùng kỳ năm trước. Tình hình dịch bệnh Covid-19 với diễn biến phức tạp trên toàn thế giới đã ảnh hưởng nhiều tới ngành công nghiệp Hải Phòng, khi hầu hết các ngành công nghiệp đều có chỉ số PTSX tháng 4/2020 ước giảm so với tháng cùng kỳ, trong đó: Ngành khai khoáng giảm mạnh chủ yếu do khối lượng khai thác cát, đá của các doanh nghiệp lớn đều sụt giảm đáng kể do thị trường xây dựng trong thời gian này không sôi động. Ngành chế biến, chế tạo (ngành chiếm trên 90% giá trị tăng thêm, quyết định chủ yếu đến tốc độ tăng trưởng công nghiệp thành phố) dự kiến tháng 4/2020 giảm 1,27% so với cùng kỳ năm trước; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 8,67%; chỉ riêng ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,39%;

Những tháng đầu năm 2020 dịch Covid-19 bắt đầu ảnh hưởng rõ nét đến hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố, tháng 4/2020 là tháng đầu tiên sau nhiều năm chỉ số PTSX công nghiệp tăng trưởng âm so cùng kỳ; có đến 40/52 ngành công nghiệp cấp 4 có chỉ số PTSX tháng 4/2020 giảm so với cùng kỳ. Hiện các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đang chịu nhiều ảnh hưởng của dịch Covid-19 do dịch bệnh bùng phát và lan rộng ra nhiều quốc gia trên thế giới đã làm sụt giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm, nhiều doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc do không còn đơn hàng sản xuất: Ngành sản xuất xe và phụ tùng cho xe có động cơ dự kiến sản xuất tháng 4/2020 giảm 10,3% so cùng kỳ; ngành dệt may, da giày là ngành công nghiệp có đóng góp lớn trong kim ngạch xuất khẩu của thành phố, thu hút và tạo việc làm cho khoảng 40% lực lượng lao động công nghiệp trên địa bàn, dự kiến sản xuất

tháng 4/2020 ngành may mặc giảm 23,67%, ngành da giày giảm 45,17% so cùng kỳ; ngành sản xuất bia rượu dự tính sản xuất giảm 44,35%; ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép trên địa bàn đều giảm đáng kể, trong đó tháng 4/2020 so với cùng kỳ sản xuất xi măng ước giảm 16,93%, sản xuất sắt thép giảm 9,49%, sản xuất bê tông giảm 50,04%...



Tính chung 4 tháng đầu năm 2020, chỉ số PTSX toàn ngành công nghiệp thành phố ước tăng 16,18% so với cùng kỳ, đây là tốc độ tăng 4 tháng so cùng kỳ thấp nhất trong 3 năm gần đây. Trong các ngành công nghiệp cấp I, ngành khai khoáng giảm 35,78%, làm giảm 0,08 điểm phần trăm mức tăng chung; chế biến, chế tạo tăng 16,51%, đóng góp 15,08 điểm phần trăm; sản xuất, phân phối điện tăng 17,28%, đóng góp 1,24 điểm phần trăm; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải giảm 5,32%, làm giảm 0,05 điểm phần trăm mức tăng chung.

	IIP 4 tháng	
	năm 2020 so với cùng kỳ (%)	Điểm % đóng góp
Toàn ngành công nghiệp	116,18	16,18
Khai khoáng	64,22	-0,08
Công nghiệp chế biến, chế tạo	116,51	15,07
Sản xuất và phân phối điện	117,28	1,24
Cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải	94,68	-0,05

Trong 52 nhóm ngành kinh tế cấp 4, có 16 ngành có chỉ số IIP tăng, trong đó một số ngành giữ được mức tăng cao so với cùng kỳ năm trước: sản xuất thiết bị truyền thông tăng 105,37%; ngành sản xuất mô tô xe máy tăng 89,7%; sản xuất pin và ắc quy tăng 52,86%; sản xuất và phân phối điện tăng 17,28%...; Một số ngành có mức tăng khá như: sản xuất sản phẩm khác từ cao su tăng 17,31%; gia công cơ khí tăng 12,95%;...

Có 36 ngành công nghiệp cấp 4 có chỉ số PTSX giảm: sản xuất sắt thép giảm 0,61%; may mặc giảm 7,57%; sản xuất xi măng giảm 9,83%; sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng giảm 11,36%; sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng giảm 15,08%; sản xuất bê tông và sản phẩm từ xi măng giảm 63%; chế biến thủy sản giảm 29%; đóng tàu giảm 25%....

*** Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 4/2020** ước giảm 32,91% so với tháng trước và giảm 32,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm so cùng kỳ do tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn bởi ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 như: sản xuất bia giảm 52,88%; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao giảm 48,58%; sản xuất trang phục giảm 36,31%...

Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng so cùng kỳ: sản xuất đồ chơi, trò chơi tăng 48,98%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 33,61%; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng 18,3%; sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ tăng 18,28%...

*** Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 30/4/2020** tăng 8,77% so với tháng trước và tăng 28,96% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao so cùng kỳ: sản xuất thiết bị truyền thông tăng 301,63%; sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì tăng 286,45%; sản xuất trang phục tăng 175,84%...

Một số ngành có chỉ số tồn kho so với cùng kỳ giảm như: sản xuất thuốc lá giảm 81,8%, sản xuất xi măng, vôi, thạch cao giảm 24,03%, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản giảm 18,8%;...

*** Một số sản phẩm công nghiệp có chỉ số sản xuất ước 4 tháng năm 2020 tăng cao so với cùng kỳ:** xe máy điện tăng 89,7%; ắc quy điện các loại tăng 52,86%, màn hình điện thoại tăng 95,96%; modun camera tăng 41,76%... Một số sản phẩm tăng khá như: thức ăn cho gia súc tăng 12,36%; phôi thép tăng 11,19%; đinh ghim dập tăng 10,03%.... Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm so với cùng kỳ: máy hút

bụi tăng 3,67%; thùng bể chứa bằng kim loại tăng 4,73%; bia hơi giảm 48,53%; máy giặt giảm 24,26%; màn hình IVI giảm 23,08%; lốp xe giảm 24,67%; sắt thép các loại giảm 1,92%; xi măng Portland đen giảm 9,83%; quần áo các loại giảm 12,25%.

* **Lao động của các doanh nghiệp tại thời điểm 30/4/2020** dự kiến giảm 2,3% so với tháng trước và giảm 4,7% so với cùng kỳ, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 6,6%; lao động doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 8,8%; lao động doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 2,7% so cùng kỳ.

Một số ngành có chỉ số sử dụng lao động giảm như: sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 17,8%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 17,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 12,6%; sản xuất xe có động cơ giảm 8%; ngành khai khoáng giảm 7,4%. Một số ngành có chỉ số sử dụng lao động tăng như: sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 18,1%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị tăng 6,1%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 2,6%.

2. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Theo đánh giá tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus Corona (Covid-19) gây ra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngành nông nghiệp là ngành chịu tác động nặng nề nhất từ dịch Covid-19: “Xuất khẩu nông sản dự báo sẽ gặp nhiều thách thức, nhất là các mặt hàng chủ lực là trái cây (*thanh long, dưa hấu*), sản phẩm từ chăn nuôi và thủy sản”. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp thành phố Hải Phòng trong ngắn hạn không chịu nhiều áp lực như các ngành sản xuất khác và một số tỉnh khác trên cả nước.

2.1. Nông nghiệp

*** Trồng trọt**

- Sản xuất vụ Đông

Theo kết quả điều tra chính thức vụ Đông năm 2019, tổng diện tích gieo trồng cây vụ Đông trên địa bàn thành phố đạt 7.129,6 ha, bằng 95,71% (-319,6 ha) so với vụ Đông năm trước, trong đó diện tích cây ngô đạt 342,9 ha, bằng 112,34%; cây khoai lang đạt 291,9 ha, bằng 75,09%; cây khoai tây đạt 423,7 ha, bằng 77,39%, rau các loại đạt 5.123,1 ha, bằng 93,61%; hoa các loại đạt 162,3 ha, bằng 118,79%;...

Sản xuất vụ Đông năm nay sâu bệnh gây hại trên các cây trồng giảm so với năm trước, chỉ một số diện tích rau lá và hành bị sương muối, mưa lớn gây bạt lá nên năng suất các cây trồng trong vụ giữ được sự ổn định và tăng so với vụ Đông năm

trước. Năng suất cây khoai lang đạt 118,2 tạ/ha, bằng 102,69%; cây khoai tây đạt 200,02 tạ/ha, bằng 101,93%; rau các loại đạt 234,62 tạ/ha, bằng 101,17%; cây đậu/đỗ các loại đạt 14,31 tạ/ha, bằng 101,22%. Tuy nhiên, một số cây trồng lấy quả trong thời kỳ ra hoa đậu quả non bị ảnh hưởng của sương muối làm giảm năng suất cây trồng: cây cà chua đạt 301,68 tạ/ha, bằng 98,68%; bí xanh đạt 233,5 tạ/ha, bằng 99,7%; mướp ngọt đạt 208,5 tạ/ha, bằng 99,29%;...

Sản lượng thu hoạch cây ngô đạt 1.816,8 tấn, bằng 111,47% so với vụ Đông năm trước; cây khoai lang đạt 3.449,7 tấn, bằng 77,11%; tổng sản lượng rau các loại đạt 120.163,2 tấn, bằng 94,7%, trong đó một số cây trồng do giảm diện tích sản xuất nên có sự biến động về sản lượng như: rau cải xanh các loại đạt 26,9 nghìn tấn (-1,8 nghìn tấn); cải bắp đạt 9,2 nghìn tấn (-1,4 nghìn tấn); bí xanh đạt 4,0 nghìn tấn (-1,1 nghìn tấn);...

- Sản xuất vụ Xuân 2020

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Xuân 2020 toàn thành phố đạt 36.705,5 ha, bằng 91,61% (-3.361,2 ha) so với vụ Xuân năm trước. Diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm ở hầu hết các nhóm cây, trong đó nhóm cây lương thực giảm nhiều nhất, cụ thể như sau:

Diện tích gieo trồng cây lúa đạt 28.987,1 ha, bằng 88,91% (-3.616,9 ha) so với vụ Xuân năm trước. Đây là mức giảm lớn nhất trong nhiều năm trở lại đây do chuyển đổi từ đất cấy lúa kém hiệu quả sang đất dự án, cụm công nghiệp, xây dựng khu tái định cư, công trình giao thông là 185,2 ha; chuyển sang trồng cây rau màu khác, cây ăn quả 407,1 ha; những chân ruộng sâu trũng chuyển sang vùng nuôi trồng thủy sản 81,9 ha; người dân bỏ ruộng không gieo cấy do khó khăn trong tưới tiêu, không có lao động 2.942,7 ha.

Diện tích trồng cây thuốc lá đạt 1.847 ha, bằng 92,4% (-152 ha) so với vụ Xuân năm trước, diện tích cây thuốc lá giảm chủ yếu là do giá bán sản phẩm thuốc lá sợi khô trên thị trường sụt giảm nên người dân chuyển đổi sang sản xuất cây trồng khác.

Diện tích gieo trồng rau các loại đạt 3.905,2 ha, bằng 106,77% (+247,6 ha) so với vụ Xuân năm trước, trong đó: nhóm cây rau lấy lá đạt 1.810 ha, bằng 106,05% (+103,3 ha); rau lấy quả đạt 658 ha, bằng 105,44% (+33,9 ha); đậu lấy quả đạt 130,4 ha, bằng 122,77% (+24,2 ha); rau lấy củ, rễ, thân đạt 181,6 ha, bằng 102% (+3,6 ha) so với cùng kỳ năm trước. Diện tích rau màu các loại tăng chủ yếu do sự chuyển đổi từ diện tích cấy lúa kém hiệu quả sang trồng cây rau màu hiện đang có mức tiêu thụ ổn định với giá bán cao trên thị trường (rau cải xanh, rau ngót, cà chua, bí xanh, ...).

Vụ Xuân năm nay thời tiết thuận lợi cho sự phát triển và sinh trưởng của cây trồng. Các trà lúa đang trong giai đoạn đẻ nhánh rộ - cuối đẻ nhánh, những diện tích trà sớm đã đứng cái làm đòng. Một số diện tích lúa có phát sinh bệnh đạo ôn trên lá, rầy lưng trắng và sâu cuốn lá nhỏ với mật độ thấp rải rác ở các huyện trên địa bàn thành phố đã được phun trừ kịp thời không ảnh hưởng lớn tới quá trình phát triển của cây.

*** Chăn nuôi**

Ước tính tháng 4/2020, số lượng đầu con gia súc, gia cầm toàn thành phố hiện có như sau: đàn trâu đạt 4,6 nghìn con, giảm 4,44% so với cùng kỳ năm trước, đàn bò đạt 10,8 nghìn con, giảm 10,34% (sản xuất chăn nuôi trâu, bò chủ yếu phục vụ nhu cầu thực phẩm nên đang có xu hướng giảm dần theo các năm). Chăn nuôi gia cầm phát triển ổn định và có xu hướng tăng, tổng đàn gia cầm ước đạt 8.534,5 nghìn con, tăng 4,26% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà đạt 6.536,6 nghìn con, tăng 3,64%.

Tổng đàn lợn tháng 4/2020 ước đạt 137,4 nghìn con, bằng 42,23% so với cùng kỳ năm trước. Để đáp ứng nhu cầu thực phẩm từ thịt lợn trên thị trường các cấp, ngành đã tập trung chỉ đạo đồng bộ nhiều giải pháp cụ thể nhằm đẩy nhanh tiến độ và quy mô tái đàn, khôi phục đàn lợn, ổn định thị trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên người sản xuất, người tiêu dùng và nhà nước với mục tiêu để ngành chăn nuôi lợn phát triển bền vững.

Do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi nên hiện nguồn cung giống lợn vẫn tương đối khan hiếm, giá lợn giống siêu nạc vẫn dao động quanh mức giá 1,8 - 2 triệu đồng/con, giá thức ăn chăn nuôi giữ ổn định và đảm bảo nguồn cung cho thị trường.

Đối với giá bán sản phẩm chăn nuôi: Dù Chính phủ có chỉ đạo các doanh nghiệp giảm giá bán thịt lợn nhưng trên thị trường tiêu dùng hiện nay giá thịt lợn thương phẩm vẫn giữ ở mức tương đối cao; giá một số sản phẩm thịt gia cầm giảm thấp hơn so với cùng kỳ và các tháng trước đây. Hiện nay, để đảm bảo nguồn cung ứng thực phẩm tại chỗ nên về cơ bản các hộ nuôi ở địa phương vẫn tiếp tục duy trì hoặc mở rộng quy mô nuôi. Việc giá sản phẩm gia cầm giảm cũng do ảnh hưởng một phần của dịch bệnh Covid-19 khi các doanh nghiệp, hộ chăn nuôi quy mô lớn gặp khó khăn trong việc tìm đầu ra với số lượng lớn (khu công nghiệp, trường học...), vì vậy nhiều hộ chăn nuôi phải tăng nguồn cung cấp nhỏ lẻ trên thị trường, việc này đã đẩy giá gia cầm giảm đáng kể.

Trong tháng 4/2020 đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định, không xuất hiện dịch bệnh xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm.

2.2. Lâm nghiệp

Ước tính tháng 4/2020, sản lượng gỗ khai thác đạt 162,5 m³, bằng 94,2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng củi khai thác đạt 3.850 ste, bằng 93,9%, số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 33 nghìn cây, bằng 97,1%. Ước tính 4 tháng/2020, sản lượng gỗ khai thác đạt 647,5 m³, bằng 94,9% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng củi khai thác đạt 15.510 ste, bằng 96,9%; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 99 nghìn cây, bằng 97,1%.

Diện tích rừng giao khoán bảo vệ ổn định đạt trên 13 nghìn ha, tuy nhiên trong tháng xảy ra 01 vụ chặt phá rừng trái phép tại huyện Cát Hải với diện tích rừng bị chặt phá là 0,049 ha.

2.3. Thủy sản

Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản tháng 4/2020 ước đạt 15.459,3 tấn, tăng 923,6 tấn (+6,35%); ước tính 4 tháng /2020 sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt 65.987,5 tấn, tăng 8.728 tấn (+15,24%) so với cùng kỳ năm trước.

*** Nuôi trồng**

Diện tích nuôi trồng thủy sản 4 tháng/2020 ước đạt 8.911,5 ha, tăng 7,57% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 5.989,2 ha, tăng 5,86%; tôm các loại đạt 2.239,5 ha, giảm 0,12% (diện tích tôm giảm là do năm nay nhuận hai tháng 4 âm lịch và do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã làm gián đoạn nguồn cung giống tôm thẻ dịch vụ từ các tỉnh miền trung, nam); thủy sản khác đạt 682,8 ha, tăng 77,35%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch tháng 4 ước đạt 5.986,6 tấn, tăng 0,36% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 3.643,4 tấn; tôm các loại đạt 445,5 tấn giảm 14,74%; thủy sản khác đạt 1.897,7 tấn, tăng 5,49%. Ước 4 tháng/2020 sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch đạt 25.673,7 tấn, tăng 1,64% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 16.210 tấn, tăng 0,49%; tôm các loại đạt 1.631,2 tấn, giảm 13,13%; thủy sản khác đạt 7.832,5 tấn, tăng 8,03%.

Khu vực sản xuất - dịch vụ giống nước ngọt và lợ mặn đã bước vào thời vụ chính, sản lượng giống sản xuất 4 tháng/2020 ước đạt 982,3 triệu con, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước, con giống các loại đã sẵn sàng cung cấp cho thị trường khi hoạt động sản xuất trở lại bình thường.

* Khai thác

Sản lượng khai thác thủy sản tháng 4/2020 ước đạt 9.472,7 tấn, tăng 10,52% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 5.528,9 tấn, tăng 18,91%; tôm các loại đạt 1.032,5 tấn, tăng 0,79%; thủy sản khác đạt 2.911,3 tấn, tăng 0,5%. Ước tính 4 tháng/2020 sản lượng khai thác thủy sản đạt 40.313,8 tấn, tăng 25,98% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 25.734,2 tấn, tăng 47,14%; tôm các loại đạt 4.153,8 tấn, tăng 0,5%; thủy sản khác đạt 10.425,8 tấn, tăng 0,47%. Sản lượng khai thác thủy sản tăng chủ yếu là từ khai thác biển, ước tính 4 tháng đầu năm sản lượng thủy sản khai thác biển đạt 38.727 tấn, tăng 25,84% so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ trọng 96,1% sản lượng khai thác chung.

Thời điểm hiện nay toàn xã hội đang tích cực phòng chống dịch bệnh Covid-19 nên các tổ đội và ngư dân chủ động tìm phương thức sản xuất nhằm đảm bảo cả 2 nhiệm vụ vừa chống dịch bệnh nhưng vẫn đảm bảo sản xuất theo mùa vụ. Ngư trường khai thác chính của tàu cá Hải Phòng là Vịnh Bắc bộ, khu vực phía Nam, Bắc và Tây đảo Bạch Long Vĩ với các đối tượng khai thác là cá nỏ nhỏ (nục, bạc má,...) và một số loại cá đáy (cá bơn, cá hồng...) đội tàu hoạt động quanh khu vực này khai thác đạt sản lượng tăng khá cao so với tháng trước và cùng kỳ năm trước, nhất là các tàu thuộc nhóm nghề lưới rê.

3. Đầu tư xây dựng

Dự tính vốn đầu tư thực hiện 4 tháng năm 2020

	Dự tính 4 tháng năm 2020 (Tỷ đồng)	4 tháng năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	1.783,5	98,32
Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh	1.458,8	94,12
Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện	243,6	118,95
Vốn ngân sách nhà nước cấp xã	81,1	136,84

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách do địa phương quản lý thực hiện tháng 4/2020 ước giảm 4,18% so với cùng kỳ và 4 tháng đầu năm 2020 dự kiến giảm 1,68% so với 4 tháng năm 2019. Năm 2020, kế hoạch vốn đầu tư công (bao gồm vốn trung ương và vốn địa phương) thành phố Hải Phòng là 12.407,8 tỷ đồng, trong đó vốn trung ương là 1.481,7 tỷ đồng; vốn của thành phố là 10.926,1 tỷ đồng. Tính đến thời điểm hiện tại thành phố ưu tiên cho 19 dự án trọng điểm với tổng vốn ngân sách là 4.858,2 tỷ

đồng. Vốn vay lại vốn ODA của thành phố là 639,9 tỷ đồng cho 4 dự án. Vốn thực hiện trong 4 tháng đầu năm 2020 chủ yếu từ các dự án trọng điểm, cấp bách, hoàn thành đảm bảo tiến độ để chào mừng ngày lễ lớn của thành phố. Điển hình là các dự án: Dự án phát triển giao thông đô thị Hải Phòng; dự án xây dựng nút giao thông Nam cầu Bính; dự án đường 359 từ cầu Bính đến Núi Đèo; dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm;... còn hầu hết ở các dự án khác thực hiện với khối lượng ít, công nhân xây dựng làm việc luân phiên trên các công trường.

Theo Quyết định số 3382/QĐ-UBND của thành phố Hải Phòng ngày 31/12/2019 về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2020 (gồm vốn trong nước và vốn ODA) bố trí cho 08 dự án. Ước 4 tháng đầu năm 2020 khối lượng thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ giảm hơn so với cùng kỳ và chiếm gần 7% kế hoạch vốn cả năm 2020.

*** Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài**

Tính đến 15/4/2020 Hải Phòng có 719 dự án còn hiệu lực:

Tổng vốn đầu tư : 18.019,13 triệu USD

Vốn điều lệ : 6.428,40 triệu USD

Vốn Việt Nam góp : 243,02 triệu USD

Nước ngoài góp : 6.185,39 triệu USD

Tính từ đầu năm đến 15/4/2020 toàn thành phố có 25 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư 121,1 triệu USD và 09 dự án điều chỉnh tăng vốn với số vốn tăng là 115,03 triệu USD. Các dự án mới và tăng vốn chủ yếu ở ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Từ nửa cuối tháng 3 đến 15/4/2020 có 3 dự án cấp mới với tổng vốn đầu tư là 27,92 triệu USD. Điều chỉnh tăng vốn có 2 dự án với số vốn tăng là 2,9 triệu USD.

Có 06 dự án nhà đầu tư quyết định chấm dứt dự án. Trong đó có 05 dự án nằm ngoài khu công nghiệp, 01 dự án nằm trong khu công nghiệp.

4. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động tiêu cực đối với tất cả các lĩnh vực thương mại, du lịch, dịch vụ khi người dân hạn chế ra khỏi nhà và các cửa hàng kinh doanh dịch vụ đóng cửa (trừ một số mặt hàng thiết yếu). Tháng 4/2020 là tháng cao điểm trong công tác phòng chống dịch khi các ngành, các cấp, các địa phương thực hiện nghiêm Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Từ cửa hiệu đến nhà hàng, lượng khách hàng sụt giảm đã ảnh hưởng doanh thu thương mại, dịch vụ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4 năm 2020 ước đạt 8.281,5 tỷ đồng, giảm 17,32% so với tháng trước, giảm 21,65% so với cùng kỳ năm trước; cộng dồn 04 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 41.458,0 tỷ đồng, giảm 0,87% so với cùng kỳ năm trước.

* *Doanh thu chia theo ngành hoạt động*

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ

	Ước tháng 4/2020 (Tỷ đồng)	Cộng dồn 4 tháng/2020 (Tỷ đồng)	Ước tháng 4/2020 so với tháng trước (%)	Ước tháng 4/2020 so với tháng cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn 4 tháng/2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	8.281,5	41.458,0	82,68	78,35	99,13
Bán lẻ hàng hóa	7.590,8	35.029,3	87,75	90,96	105,04
Dịch vụ lưu trú	40,5	329,6	57,80	28,82	65,57
Dịch vụ ăn uống	314,7	3.996,8	40,27	22,80	74,31
Du lịch lữ hành	0	37,6	0	0	61,43
Dịch vụ khác	335,5	2.064,7	66,35	48,87	81,53

- Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 4 năm 2020 ước đạt 7.590,8 tỷ đồng, giảm 12,25% so với tháng trước, giảm 9,04% so với cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 35.029,3 tỷ đồng, tăng 5,04% so với cùng kỳ năm trước.

Thực hiện quy định về cách ly xã hội, người dân hạn chế ra đường đã tác động mạnh đến doanh số bán hàng của hoạt động bán lẻ hàng hoá, doanh thu các ngành hàng tháng 4/2020 đều ước giảm so với tháng 3 và so với cùng kỳ (trừ ngành lương thực, thực phẩm tăng 0,12% so với tháng trước, tăng 17,91% so với cùng kỳ), trong đó ngành hàng may mặc giảm mạnh nhất, giảm 46,56% so với tháng trước, giảm 55,77% so với cùng kỳ.

Tính chung 4 tháng năm 2020, doanh thu bán lẻ hàng hoá tăng 5,04% so với cùng kỳ năm 2019. Một số nhóm ngành hàng có mức tăng trưởng cao phục vụ nhu cầu thiết yếu như: lương thực, thực phẩm tăng 17,56%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,81%; xăng, dầu các loại tăng 9,33%; nhiên liệu tăng 1,99%. Một số nhóm hàng giảm như: hàng may mặc giảm 15,70%; gỗ và vật liệu xây dựng giảm 8,26%; hàng hóa khác giảm 0,93%; dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô và xe có động cơ khác giảm 4,35%.

- Đối với ngành dịch vụ:

Doanh thu dịch vụ lưu trú tháng 4 năm 2020 ước đạt 40,5 tỷ đồng, giảm 42,2% so

với tháng trước và giảm 71,18% so với cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 329,5 tỷ đồng, giảm 34,43% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ ăn uống tháng 4 năm 2020 ước đạt 314,7 tỷ đồng, giảm 59,73% so với tháng trước và giảm 77,2% so với cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 3.996,8 tỷ đồng, giảm 25,69% so với cùng kỳ.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên dịch vụ du lịch lữ hành tháng 4 năm 2020 ước không có doanh thu. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 37,6 tỷ đồng, giảm 38,57% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ khác tháng 4 năm 2020 ước đạt 335,47 tỷ đồng, giảm 33,65% so với tháng trước, giảm 51,13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu hoạt động bất động sản giảm 29,29%; doanh thu dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ (trừ lữ hành) giảm 29,26%; doanh thu giáo dục và đào tạo giảm 28,95%; dịch vụ nghệ thuật, vui chơi và giải trí giảm 79,64%; hoạt động dịch vụ khác giảm 61,46% so với tháng trước. Ước 4 tháng đầu năm 2020, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 2.064,7 tỷ đồng, giảm 18,47% so với cùng kỳ.

5. Hoạt động lưu trú và lữ hành

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên lượng khách do các cơ sở lưu trú và lữ hành thành phố phục vụ tháng 4/2020 tiếp tục giảm mạnh. Tổng lượt khách tháng 4/2020 ước đạt 177,2 nghìn lượt, giảm 48,82% so với tháng trước và giảm 74,66% so với cùng tháng năm 2019; trong đó khách quốc tế đạt 15,5 nghìn lượt, giảm 59,66% so với tháng trước và giảm 78,40% so với cùng tháng năm trước.

Cộng dồn 4 tháng/2020, tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú và lữ hành thành phố phục vụ ước đạt 1.570,1 nghìn lượt, giảm 32,86% so với cùng kỳ; trong đó khách quốc tế đạt 176,2 nghìn lượt, giảm 36,44% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với hoạt động lữ hành, tháng 4/2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, ngành du lịch, lữ hành ngừng hoạt, các tour du lịch đặt trước bị hủy. Cộng dồn 4 tháng/2020, lượt khách lữ hành ước đạt 22,3 nghìn lượt, giảm 35,56% so với cùng kỳ năm trước.

6. Vận tải hàng hóa và hành khách

6.1. Vận tải hàng hoá

Khối lượng hàng hoá vận chuyển tháng 4 năm 2020 ước đạt 12,5 triệu tấn, giảm 18,63% so với tháng trước và giảm 23,11% so với cùng tháng năm trước. Ước tính 4 tháng đầu năm 2020 đạt 63,8 triệu tấn, tăng 0,04% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hàng hoá luân chuyển tháng 4 năm 2020 ước đạt 7.196,9 triệu

tấn.km, giảm 15,72% so với tháng trước và giảm 12,06% so với cùng tháng năm trước. Ước tính 4 tháng đầu năm 2020 đạt 32.700,8 triệu tấn, tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với hoạt động vận tải hàng hóa đường bộ, trong tháng 4/2020 các doanh nghiệp nhận được ít đơn hàng vận chuyển hơn, nhiều khách hàng hủy hợp đồng. Ngoài ra, thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 trong đó tăng cường công tác kiểm soát lái xe vận tải hàng hóa ra vào thành phố cũng làm giảm việc vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh thành khác cùng với việc ùn tắc hàng hóa ở cửa khẩu Việt - Trung đã làm giảm lượng hàng vận chuyển.

Đối với hoạt động vận tải hàng hóa đường biển, bước đầu đã bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19, các doanh nghiệp vận tải hàng hóa biển ước tính sản lượng vận chuyển trong tháng 4/2020 giảm từ 7-20% do thị trường vận tải dầu suy giảm rõ rệt.

6.2. Vận tải hành khách

Khối lượng hành khách vận chuyển tháng 4 năm 2020 ước đạt 1,2 triệu lượt, giảm 72,17% so với tháng trước, giảm 78,82% so với cùng tháng năm trước. Ước tính 4 tháng đầu năm 2020 đạt 16,7 triệu lượt, giảm 24,48% so với cùng kỳ năm trước.

Khối lượng hành khách luân chuyển tháng 4 năm 2020 đạt 50,4 triệu Hk.km, giảm 70,79% so với tháng trước và giảm 78,02% so với cùng tháng năm trước. Ước tính 4 tháng đầu năm 2020 đạt 686,6 triệu Hk.km, giảm 24,15% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh nghiệp vận tải hành khách là nhóm doanh nghiệp vận tải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19. Đồng loạt các hãng taxi, xe khách dừng hoạt động từ ngày 01-15/4/2020. Theo Công văn số 2808/UBND-VX của UBND thành phố Hải Phòng ngày 15/4/2020 chỉ cho phép 50% số đầu xe của các hãng taxi hoạt động từ ngày 16/4/2020 nên hầu hết các hãng ước tính lượng hành khách chỉ đạt từ 20-30% so với tháng 3/2020.

6.3. Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải

Doanh thu dịch vụ kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 4 năm 2020 ước đạt 1.996,8 tỷ đồng, giảm 16,78% so với tháng trước và giảm 19,9% so với cùng tháng năm trước. Ước tính 4 tháng năm 2020 doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 9.801,2 tỷ đồng, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước.

6.4. Sân bay Cát Bi

Tháng 4 năm 2020 tổng doanh thu của Sân bay Cát Bi ước đạt 0,93 tỷ đồng, giảm 93,39% so với tháng trước; giảm 95,98% so với cùng tháng năm trước. Cộng dồn 4 tháng/2020, tổng doanh thu của Sân bay Cát Bi ước đạt 66,93 tỷ đồng, giảm 29,95% so với cùng kỳ năm trước.

Số lần máy bay hạ, cất cánh tháng 4 năm 2020 ước đạt 30 chuyến, giảm 96,89% so với tháng trước, giảm 97,57% so với cùng tháng năm trước, không có chuyến bay ngoài nước. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, số lần máy bay hạ, cất cánh ước đạt 4.197 chuyến, giảm 18,16% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng số hành khách tháng 02 năm 2020 ước đạt 10 nghìn lượt người, giảm 91,8% so với tháng trước, giảm 95,04% so với cùng tháng năm trước. Cộng dồn 4 tháng/2020, tổng số hành khách ước đạt 562,17 nghìn lượt người, giảm 31,06% so với cùng kỳ.

Tổng số hàng hóa tháng 4 năm 2020 ước đạt 40 tấn, giảm 97,59% so với tháng trước, giảm 97,63% so với cùng tháng năm trước. Cộng dồn 4 tháng đầu năm 2020, tổng số hàng hóa ước đạt 4.552 tấn, giảm 30,07% so với cùng kỳ.

7. Hàng hoá thông qua cảng

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng tháng 4 năm 2020 ước đạt 9.357,87 nghìn TTQ, tăng 4,42% so với tháng trước và tăng 6,90% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- Khối cảng thuộc kinh tế Nhà nước ước đạt 3.112,3 nghìn TTQ, giảm 9,05% so với tháng trước, giảm 15,28% so với cùng tháng năm trước, trong đó:

+ Cảng thuộc khối doanh nghiệp nhà nước Trung ương ước đạt 3.109,3 nghìn TTQ, giảm 9,04% so với tháng trước, giảm 15,17% so với cùng kỳ.

+ Cảng thuộc khối doanh nghiệp Nhà nước địa phương ước đạt 3 nghìn TTQ, giảm 19,05% so với tháng trước, giảm 64,46% so với cùng kỳ.

- Các cảng thuộc khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 6.245,57 nghìn TTQ, tăng 12,74% so với tháng trước, tăng 22,93% so với cùng kỳ năm 2019.

Hàng hóa thông qua cảng biển trên địa bàn thành phố 4 tháng/năm 2020 đạt 35.222,15 nghìn tấn, tăng 1,35% so với cùng kỳ năm 2019.

* Doanh thu cảng biển tháng 4 năm 2020 của khối cảng trên địa bàn thành phố ước đạt 417,4 tỷ đồng, giảm 8,62% so với tháng trước, giảm 7,25% so với cùng kỳ. Doanh thu cảng biển 4 tháng đầu năm 2020 đạt 1.669,2 tỷ đồng, giảm 5,28% so với cùng kỳ năm 2019.

8. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) thành phố Hải Phòng tháng 4 năm 2020 giảm 1,11% so với tháng trước, tăng 3,79% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,89% so với tháng 12/2019. CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2020 tăng 5,20% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 5 nhóm có chỉ số giá tháng

4/2020 giảm so với tháng trước với mức giảm như sau: nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,39%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,48%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 2,26%; nhóm giao thông giảm 12,23%; và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,34%. 04 nhóm có chỉ số giá tăng là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,81%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,27%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03% và nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,10%. 02 nhóm còn lại là nhóm bưu chính viễn thông và nhóm giáo dục có chỉ số giá không thay đổi so với tháng trước.

Nguyên nhân chính làm giảm CPI tháng 4 là do chỉ số giá xăng dầu diesel giảm 28,47% làm cho CPI chung giảm 0,99%; chỉ số giá gas giảm 19,06% làm cho CPI chung giảm 0,21%; chỉ số giá dầu hỏa giảm 30,44% làm cho CPI chung giảm 0,01%; chỉ số giá điện sinh hoạt giảm 1,79% làm cho CPI chung giảm 0,04%... Bên cạnh đó cũng có yếu tố làm tăng CPI tháng 4 là chỉ số giá lương thực tăng 2,34% làm cho CPI chung tăng 0,08%; chỉ số giá thực phẩm tăng 0,96% làm cho CPI chung tăng 0,23%;

Chỉ số nhóm giao thông giảm 12,23% so với tháng trước chủ yếu do giá nhóm nhiên liệu được điều chỉnh giảm 26,77% do giá xăng, dầu diesel giảm 28,47%. Cụ thể, giá xăng dầu tiếp tục được điều chỉnh giảm 02 lần trong tháng 4/2019 với tổng mức giảm giá cụ thể là xăng RON95-IV giảm 4.880 đồng/lít, xăng E5-RON 92 giảm 4.710 đồng/lít; dầu diesel 0,05S-II giảm 2.210 đồng/lít.

*** Chỉ số giá vàng 99,99% và Đô la Mỹ:**

- Chỉ số giá vàng tháng 4/2020 tăng 1,42% so với tháng trước, tăng 24,60% so với cùng tháng năm 2019, tăng 9,77% so với tháng 12/2019. Giá vàng bình quân tháng 4/2020 dao động ở mức 4,584 triệu đồng/chỉ, tăng 64.000 đồng/chỉ.

- Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2020 tăng 1,21% so với tháng trước, tăng 1,48% so với cùng tháng năm 2019, tăng 1,58% so với tháng 12/2019. Tỷ giá USD/VND bình quân tháng 4/2020 dao động ở mức 23.597 đồng/USD, tăng 282 đồng/USD.

9. Hoạt động tài chính, ngân hàng

9.1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố tháng 4 năm 2020 ước đạt 6.020,7 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa đạt 1.520,7 tỷ đồng; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 4.500 tỷ đồng. Ước 4 tháng/2020 thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố đạt 25.927,6 tỷ đồng, bằng 90,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: thu nội địa đạt 8.447,7 tỷ đồng, bằng 100,2%; thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 16.605,2 tỷ đồng, bằng 84%.

Ước tính 4 tháng/2020, trong số thu nội địa: thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đạt 564,6 tỷ đồng, bằng 100% so với cùng kỳ năm trước; thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương đạt 327,5 tỷ đồng, bằng 99,5%; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.396 tỷ đồng, bằng 70,6%; thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 2.264,5 tỷ đồng, đạt 155,8%...

Tổng chi ngân sách địa phương tháng 4 năm 2020, ước đạt 1.570,4 tỷ đồng; ước tháng 4/2020 đạt 4.719,5 tỷ đồng, bằng 85,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chi đầu tư phát triển trong chi cân đối ngân sách địa phương đạt 1.211 tỷ đồng, bằng 48,2%; chi thường xuyên đạt 3.000,8 tỷ đồng, bằng 107,1%.

9.2. Ngân hàng

** Công tác huy động vốn:*

Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn ước thực hiện đến hết tháng 4 năm 2020 đạt 216.384 tỷ đồng, tăng 12,58% so với cùng kỳ năm trước, bằng 102,68% so với năm 2019.

Theo loại tiền: huy động bằng VND ước đạt 204.811 tỷ đồng, tăng 12,87% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 94,65%; ngoại tệ (quy đổi VND) ước đạt 11.573 tỷ đồng, tăng 7,64% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 5,35%.

Theo hình thức huy động: huy động tiền gửi tiết kiệm ước đạt 148.550 tỷ đồng, tăng 8,89% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 68,65%; tiền gửi thanh toán ước đạt 61.861 tỷ đồng, tăng 18,22% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 28,59%; phát hành giấy tờ có giá ước đạt 5.972 tỷ đồng, tăng 72,8% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 2,76%.

** Công tác tín dụng:*

Tổng dư nợ cho vay đến hết tháng 4 năm 2020 ước đạt 127.385 tỷ đồng, tăng 7,62% so với cùng kỳ năm trước, bằng 98,69% so với năm 2019.

Cơ cấu dư nợ theo loại tiền: cho vay bằng VND ước đạt 119.679 tỷ đồng, tăng 7,69% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 93,95%. Cho vay ngoại tệ (quy đổi VND) ước đạt 7.707 tỷ đồng, tăng 6,43% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 6,05%.

Cơ cấu dư nợ phân theo thời hạn vay: Cho vay ngắn hạn ước đạt 55.540 tỷ đồng, bằng 97,91% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 43,6%; cho vay trung, dài hạn ước đạt 71.845 tỷ đồng, bằng 99,3% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm tỷ trọng 56,4%.

II. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giải quyết việc làm, an sinh xã hội

*** Công tác Lao động, việc làm**

Trong 04 tháng đầu năm, thành phố tổ chức được 02 phiên giao dịch việc làm với sự tham gia tuyển dụng của 55 lượt doanh nghiệp, nhu cầu tuyển dụng 2.064 lượt lao động. Số lượng đăng ký bảo hiểm thất nghiệp là 3.803 người (giảm 12,1% so với cùng kỳ năm 2019), thành phố đã giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 3.679 người (tăng 2,3% so với cùng kỳ), với kinh phí hơn 67,5 tỷ đồng (tăng 10,3% so với cùng kỳ)

Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn thành phố không xảy ra đình công; xảy ra 08 vụ tai nạn lao động làm 08 người chết.

*** Công tác dạy nghề**

Tính đến tháng 4/2020 tổng số cơ sở giáo dục nghề nghiệp và có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố tại thời điểm báo cáo là 70 đơn vị (gồm 59 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 11 cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp). 4 tháng đầu năm 2020 tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp đạt khoảng 12.000 học viên, đạt 23% kế hoạch năm và bằng 92% so với cùng kỳ năm 2019.

*** Công tác người có công**

Bốn tháng đầu năm 2020, thành phố đã tiếp nhận và tiến hành giải quyết theo đúng chế độ đối với 1.122 đối tượng chính sách trên địa bàn như sau: trợ cấp một lần cho 811 người; trợ cấp hàng tháng 36 người; chế độ thờ cúng liệt sĩ 265 trường hợp, xác nhận miễn giảm tiền sử dụng đất theo Quyết định số 118/QĐ-TTg cho 10 trường hợp. Ngoài ra, thực hiện tiếp nhận và thẩm định để thực hiện chính sách và phục vụ công tác quản lý đối với 1.259 trường hợp; công nhận, đề nghị công nhận 118 người có công.

*** Công tác giảm nghèo - Bảo trợ xã hội**

Tính đến ngày 14/4/2020, số lượng các đối tượng được chăm sóc và nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội là 751 người (bằng 102,87% so với cùng kỳ năm 2019), tập trung được 108 lượt người người lang thang trên địa bàn (giảm 121 lượt người, tương ứng giảm 47,16% so với cùng kỳ).

Bên cạnh đó, thành phố nghiên cứu, xem xét việc phân bổ kinh phí hỗ trợ người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên địa bàn (phân chia thành các nhóm đối tượng: người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo và hộ cận nghèo). Triển

khai thực hiện Nghị quyết số 53/2019/NQ-HĐND về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố.

*** Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội**

Trong 4 tháng đầu năm 2020, thành phố đã tổ chức quản lý, cai nghiện ma túy tập trung tại các cơ sở cai nghiện cho 1.804 lượt người (bằng 95,95% so với cùng kỳ), cai nghiện tại gia đình và cộng đồng cho 78 người (bằng 82,98% so với cùng kỳ), điều trị Methadone toàn thành phố (tại 18 cơ sở) cho 3.931 người. Bên cạnh đó, tăng cường chỉ đạo các đoàn kiểm tra liên ngành, kết quả đã tiến hành kiểm tra 69 buổi tại 248 cơ sở kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn, quán karaoke...

2. Giáo dục - Đào tạo

Tháng 4/2020, thành phố tiếp tục chỉ đạo các đơn vị giáo dục trên địa bàn thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố về việc phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Trong thời gian học sinh nghỉ học, các đơn vị giáo dục triển khai thực hiện các công tác chuyên môn, xây dựng đề cương ôn tập, chương trình dạy học online, xây dựng bài giảng e-learning để giúp cho học sinh có thể tự học ở nhà khi nghỉ học và thực hiện các nhiệm vụ khác của ngành. Bên cạnh đó, lưu ý tổ chức tuyên truyền, tập huấn phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng Internet, mạng xã hội đảm bảo an toàn, an ninh mạng khi tham gia hoạt động dạy - học trực tuyến.

Ngày 21/4/2020, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành văn bản số 2993/UBND-VX về việc cho học sinh đi học trở lại sau thời gian nghỉ học do dịch Covid-19. Đồng thời chỉ đạo các nhà trường, cơ sở giáo dục tiếp tục thực hiện các biện pháp khử khuẩn, vệ sinh lớp học, trường học trước khi đón học sinh đi học trở lại; thực hiện việc đo thân nhiệt, 100% học sinh đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, nước sát khuẩn và các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo quy định khi học sinh tới trường; bố trí lịch học 01 buổi/ngày; tăng cường kiểm tra công tác phòng, chống dịch tại các nhà trường, cơ sở giáo dục.

3. Y tế và An toàn vệ sinh thực phẩm

*** Công tác y tế dự phòng**

Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19

Trong tháng 4/2020, thành phố Hải Phòng thực hiện nghiêm Chi thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ về việc cách ly xã hội 15 ngày (01/4-15/4/2020). Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương đã cấp giấy chứng nhận năng lực xét nghiệm khẳng định virus SARS-CoV2

cho Trung tâm Y tế dự phòng thành phố Hải Phòng, việc trang bị và tự vận hành máy xét nghiệm giúp thành phố chủ động hơn trong công tác phòng chống dịch.

Từ ngày 16/4/2020, Hải Phòng thuộc nhóm thứ 2 (nhóm có nguy cơ), do vậy UBND thành phố đã ban hành công văn số 2808/UBND-VX ngày 15/4/2020 về việc điều chỉnh một số biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn. Tính đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn thành phố không có trường hợp nào nhiễm virus gây bệnh Covid-19; các trường hợp nghi nhiễm hiện được cách ly, giám sát y tế chặt chẽ theo đúng quy định và hướng dẫn. Thực hiện Công văn số 3036/UBND-VX ngày 23/4/2020 của UBND thành phố, từ ngày 23/4/2020 người dân được đi lại bình thường, một số ngành kinh doanh thương mại, dịch vụ được hoạt động trở lại nhưng vẫn phải tuân thủ theo quy định phòng, chống dịch.

Công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm khác

Diễn biến một số bệnh truyền nhiễm trên địa bàn: Bệnh Thủy đậu ghi nhận 18 ca, bệnh Tiêu chảy ghi nhận 111 ca, bệnh cúm (J10) ghi nhận 198 ca, bệnh viêm não virus ghi nhận 04 ca, bệnh liên cầu lợn ở người không ghi nhận ca mắc.

Công tác khám chữa bệnh được chú trọng, thực hiện khám chữa bệnh thông thường gắn với phát triển kỹ thuật y tế cao, chuyên sâu tại các bệnh viện tuyến thành phố, đẩy mạnh giám sát chất lượng khám chữa bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, kiểm soát kê đơn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

*** Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm**

Tăng cường chỉ đạo Chi cục Vệ sinh An toàn thực phẩm và các trung tâm y tế quận/huyện đẩy mạnh các biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Thực hiện kiểm tra đột xuất việc đảm bảo an toàn thực phẩm tại những khu cách ly tập trung để phòng lây nhiễm dịch bệnh: Trung tâm hội nghị và Đào tạo cán bộ công đoàn, Ký túc xá Trường Cao đẳng Hàng Hải, trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ, trường Cao đẳng Du lịch.

*** Công tác phòng chống HIV/AIDS**

Tính đến 01/4/2020, lũy tích người nhiễm HIV là 11.231 người, số người chuyển sang AIDS là 6.312 người, số người chết do AIDS là 5.310 người, và số người nhiễm HIV hiện còn sống là 5.921 người. So với cùng kỳ năm 2019, số người mới phát hiện tương đương, số ca chuyển sang AIDS giảm 03 trường hợp và số ca tử vong giảm 01 trường hợp.

Về việc thực hiện chương trình cai nghiện Methadone, tính đến tháng 4/2020, trên địa bàn toàn thành phố có tổng số bệnh nhân đang điều trị là 3.947 người, số bệnh nhân đạt liều duy trì là 3.670 người.

4. Tình hình trật tự an toàn giao thông

Từ ngày 15/3/2020 đến ngày 14/4/2020, toàn thành phố xảy ra 07 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm 05 người chết và 03 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2019, số vụ tai nạn giao thông giảm 02 vụ, số người bị thương không đổi và số người chết giảm 01 người. Các vụ tai nạn chủ yếu từ va chạm cá nhân, do người dân chưa chấp hành đúng luật, không tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông.

Cộng dồn từ đầu năm 2020 đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn thành phố đã xảy ra 21 vụ tai nạn giao thông đường bộ, không có tai nạn giao thông đường sắt, đường thủy. Các vụ tai nạn giao thông làm chết 20 người và bị thương 04 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giảm 04 vụ (tương ứng giảm 16%), số người chết giảm 02 người (tương ứng giảm 9,09%) và số người bị thương giảm 03 người (tương ứng giảm 42,86%).

5. Công tác phòng chống cháy, nổ

Từ ngày 15/3/2020 đến ngày 14/4/2020, trên địa bàn thành phố Hải Phòng đã xảy ra 02 vụ cháy, không gây thiệt hại về người. Các vụ cháy đang trong quá trình xác minh và thống kê giá trị thiệt hại về tài sản. So với cùng kỳ năm trước, số vụ cháy giảm 06 vụ./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp-TCTK;
- TTTU, TTHĐNDTP;
- Đ/c Bí thư TU;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các VP: TU, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND TP;
- Các Sở, ngành liên quan;
- Một số Cục TK tỉnh, TP;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Gia Phong